

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 tháng 4 năm 2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hồng

2. Ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Lan Hương- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Chu Ngọc Linh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/4/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số A, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn : Ông Phan Đình X, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số nhà B, đường T, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2020, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà và ông Phan Đình X kết hôn ngày 17/3/2008. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã nhau. Ông X còn gây rắc rối cho bà bằng cách đến công ty bà làm việc đe dọa tính mạng, sức khỏe của bà. Bà và Ông X đã ly thân từ ngày

14/10/2019 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, bà yêu cầu ly hôn ông Phan Đình X.

Về con chung: Bà và Ông X không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Vì lý do công việc, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

* Bị đơn là ông Phan Đình X trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị C kết hôn ngày 17/3/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố B. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn liên quan đến kinh tế gia đình, thêm nữa, Bà C còn không quan tâm, chăm sóc ông trong lúc ốm đau, bệnh tật. Bà C bỏ về nhà đẻ ở từ tháng 10/2019 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Bà C yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và công nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tình trạng sức khỏe không tốt nên Ông X đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn ông Phan Đình X.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C và bị đơn là ông Phan Đình X đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Phan Đình X kết hôn ngày 17/3/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày

của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho Bà C được ly hôn Ông X (Theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình).

[3]- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên đương sự xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]- Về án phí: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn ông Phan Đình X.
2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000908 ngày 13/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.
3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
 - CCTHA-DS TP B;
 - TAND tỉnh Bắc Giang;
 - Các đương sự;
 - UBND phường M,
- TP. B, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Chuyên